

Bản án số: **208** /2024/KDTM-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2024

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Lê Thị Hạnh và ông Ngô Minh Tuấn**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đỗ Thùy Trang**— Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên Tòa: **ông Phạm Hồng Quân**- Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2024/TLST- KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXX-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số:103 ngày 21 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Ngân hàng L** theo Quyết định số 432/QĐ-TTGSNH2 ngày 15/7/2024 của Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng-Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 210 đường K, phường T, quận HK, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Hồ Nam T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc;(theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 ngày 11/7/2023)

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Luyện Duy S, ông Phạm Huy B, ông Nguyễn Thế C,** theo Giấy ủy quyền số 25419/2024/UQ-LPBank.XLN ngày 29/8/2024.

*** Bị đơn:** **Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 487 H, tổ 19, phường CN 1, quận BTL, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Trần Việt H**- Chủ tịch HĐQT

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần chứng khoán M**

Địa chỉ: Tầng 7-8 số 21 phố C, phường C, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Phương A**- Chức vụ: Tổng giám đốc

(ông S, ông B, ông C có mặt; M có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện và bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng L trình bày:

Ngày 14/6/2017, Ngân hàng L đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD11420170162 với Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH (sau đây gọi tắt là Công ty xây lắp TH). Tổng số tiền cho vay theo hạn mức: 100.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn): 100.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn) đối với các công trình có nguồn vốn khác (không bao gồm các công trình có nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài theo điều kiện): tối đa 30.000.000.000 đồng. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng.

****Tài sản bảo đảm của khoản vay:***

1. Cầm cố cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng. Cổ phiếu Q bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng. Giá trị định giá tại thời điểm vay vốn: 2.972.000.000 đồng.

2. Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Sở giao thông vận tải Quảng Ngãi theo Hợp đồng thi công xây dựng số 206/2017/HĐ-TCXD ngày 15/12/2017 giữa Sở giao thông vận tải Quảng Ngãi và Liên doanh Công ty Cổ phần xây dựng phát triển công nghệ TQ– Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp TH- Công ty TNHH một thành viên xây dựng và kinh doanh nhà Long Á, theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 12/2018/HDTCLPB THANGLONG.

3. Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước LS theo Hợp đồng xây dựng ngày 22/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Cấp thoát nước LS và Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TH, theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 148/2015/BĐ – LPB- TL.

4. Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Cục điều tra hình sự/BQP theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 20/HĐKT ngày 25/12/2017 giữa Cục điều tra hình sự/BQP và Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TH, theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 244/2017/HDTCLPB THANGLONG.

- Ngày 28/11/2017, hai bên ký phụ lục hợp đồng tín dụng số 01 sửa đổi bổ sung khoản g mục 6.1 Điều 6 của Hợp đồng hạn mức tín dụng về tài sản đảm bảo.

- Ngày 02/01/2018, hai bên ký phụ lục hợp đồng tín dụng số 02 sửa đổi bổ sung khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng hạn mức tín dụng về lãi suất và cách tính lãi suất.

Thực hiện Hợp đồng, L đã giải ngân cho Công ty TH tổng số tiền là 30.003.460.081 đồng thể hiện qua 28 khế ước sau:

- Khế ước số 11420170162/001 ngày 28/12/2017, số tiền: 871.097.302 đồng
- Khế ước số 11420170162/002 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.300.582.974 đồng
- Khế ước số 11420170162/003 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.500.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/004 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.500.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/005 ngày 28/12/2017, số tiền: 2.424.712.210 đồng
- Khế ước số 11420170162/006 ngày 28/12/2017, số tiền: 306.639.002 đồng
- Khế ước số 11420170162/007 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.766.265.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/008 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.026.169.100 đồng
- Khế ước số 11420170162/009 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.259.427.456 đồng
- Khế ước số 11420170162/010 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.000.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/011 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.550.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/012 ngày 28/12/2017, số tiền: 500.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/013 ngày 28/12/2017, số tiền: 980.380.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/014 ngày 28/12/2017, số tiền: 1.186.138.800 đồng
- Khế ước số 11420170162/015 ngày 28/12/2017, số tiền: 937.478.300 đồng
- Khế ước số 11420170162/016 ngày 28/12/2017, số tiền: 435.034.300 đồng
- Khế ước số 11420170162/017 ngày 28/12/2017, số tiền: 427.846.831 đồng
- Khế ước số 11420170162/018 ngày 28/12/2017, số tiền: 500.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/019 ngày 28/12/2017, số tiền: 495.202.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/020 ngày 28/12/2017, số tiền: 2.482.822.560 đồng
- Khế ước số 11420170162/021 ngày 28/12/2017, số tiền: 589.976.212 đồng
- Khế ước số 11420170162/022 ngày 28/12/2017, số tiền: 400.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/023 ngày 09/6/2017, số tiền: 400.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/024 ngày 09/6/2017, số tiền: 1.175.346.140 đồng
- Khế ước số 11420170162/025 ngày 27/04/2017, số tiền: 2.118.342.060 đồng
- Khế ước số 11420170162/026 ngày 04/04/2017, số tiền: 900.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/027 ngày 08/03/2017, số tiền: 1.000.000.000 đồng
- Khế ước số 11420170162/028 ngày 20/2/2017, số tiền: 900.000.000 đồng

-Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 25/8/2018, bị đơn bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty TH đã thanh toán trả cho L tổng số tiền cả gốc và lãi là: 4.416.015.183 đồng, trong đó: Tiền gốc: 3.715.782.442 đồng; lãi trong hạn: 676.504.872 đồng; lãi quá hạn: 23.015.583 đồng. Tất toán được các khế ước từ số 01 đến số 17 và số 27; khế ước số 18 đã trả hết gốc,

còn nợ lãi; khế ước số 19 còn nợ gốc là 208.929.768 đồng và chưa thanh toán lãi; còn lại các khế ước từ số 20 đến 26 và 28 chưa trả được. Tính đến buổi làm việc ngày 04/9/2024 thì tổng số tiền nợ gốc và lãi của Công ty TH tại L là: **16.750.223.040 đồng** (trong đó: Nợ gốc là 8.129.555.832 đồng; nợ lãi trong hạn là: 189.730.838 đồng; số tiền lãi quá hạn 8.620.257.788 đồng; số tiền phạt lãi là: 129.809.523 đồng).

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 20 tháng 3 năm 2024, L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là các Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Sở giao thông vận tải Quảng Ngãi; Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước LS và Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Cục điều tra hình sự/BQP. Giữ nguyên yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Các cổ phiếu thế chấp cũng như các hoa lợi phát sinh từ các cổ phiếu của Công ty Cổ phần phần đầu tư xây lắp TH đang thế chấp tại Ngân hàng L theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014 và các phụ lục Hợp đồng giữa L và Công ty Cổ phần phần đầu tư xây lắp TH để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần phần đầu tư xây lắp TH theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD11420170162 ngày 14/6/2017. Hiện đang do Công ty Cổ phần chứng khoán M quản lý.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng, nên L đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty xây lắp TH phải thanh toán trả cho L tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2024, bị đơn còn phải trả cho L tổng số tiền là: **16.750.223.040 đồng** (trong đó: Nợ gốc là 8.129.555.832 đồng; nợ lãi trong hạn là: 189.730.838 đồng; số tiền lãi quá hạn 8.620.257.788 đồng; số tiền phạt lãi là: 129.809.523 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo là ngày 05/9/2024, Công ty xây lắp TH phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Hợp đồng hạn mức tín dụng cho đến khi tất toán xong khoản vay.

3. Khi bản án, quyết định của Tòa đã có hiệu lực pháp luật, Công ty xây lắp TH không trả nợ hoặc chỉ chi trả được một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức nói trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là Cầm cố cổ phiếu Q thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng. Cổ phiếu Q bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng. Giá trị định giá tại thời điểm vay vốn: 2.972.000.000 đồng để thu hồi nợ cho Ngân hàng

4. Trường hợp phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán cho toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Công ty xây lắp TH thì Công ty xây lắp TH vẫn phải có trách nhiệm trở nợ tiếp cho Ngân hàng L.

*** Tại phiên Tòa:**

- Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là: 129.089.523 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Công ty xây lắp TH phải thanh toán trả cho L tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/9/2024, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: **16.634.178.082 đồng**. Trong đó: Số tiền nợ gốc là 8.129.555.832 đồng; nợ lãi trong hạn là: 189.730.838 đồng; lãi quá hạn 8.314.891.412 đồng;

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử (ngày 28/9/2024), Công ty xây lắp TH phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Hợp đồng hạn mức tín dụng cho đến khi tất toán xong khoản vay.

3. Khi bản án, quyết định của Tòa đã có hiệu lực pháp luật, Công ty xây lắp TH không trả nợ hoặc chỉ chi trả được một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức nói trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là 662.631 cổ phiếu Q thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng để thu hồi nợ cho L.

4. Trường hợp phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán cho toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Công ty xây lắp TH thì Công ty xây lắp TH vẫn phải có trách nhiệm trở nợ tiếp cho Ngân hàng L.

- Nguyên đơn giải trình về lý do quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút 1 phần yêu cầu đối với 1 số tài sản đảm bảo là các quyền đòi nợ vì sau khi Tòa án thụ lý vụ án các bên liên quan đều có văn bản và tài liệu cung cấp xác nhận các khoản tiền theo Hợp đồng kinh tế giữa bị đơn với hộ đã tất toán xong.

- Về bị đơn cho rằng L phải có trách nhiệm giám sát và kết hợp với các các bên nợ tiền của Công ty TH để thu tiền thì L thấy rằng chính Công ty TH đã vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng thế chấp, cụ thể khi các khoản tiền của các bên chưa thanh toán cho Công ty TH theo các Hợp đồng mà 2 bên đã ký thì không được trả vào tài khoản của L, Công ty TH cũng không thông báo để L thu mà lại sử dụng các khoản tiền đó là vi phạm, giờ lại đổ lỗi cho L là không đúng.

- Đối với phương án hòa giải của bị đơn trong quá trình Tòa án giải quyết nguyên đơn không đồng ý

Tại bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Việt H trình bày:

Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp TH xác nhận: Ngày 14/6/2017, Ngân hàng L đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD11420170162 với Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp TH (sau đây gọi tắt là Công ty xây lắp TH) với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày.

*Tài sản bảo đảm của khoản vay có bao gồm các tài sản đúng như thông báo thụ lý 11/2024/TB-TLVA ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Thông báo rút một phần yêu cầu khởi kiện số 21/TB-TA ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần xây lắp TH xác nhận hiện còn nợ L số tiền nợ gốc là: 8.129.555.832 đồng. Về tiền nợ lãi mà nguyên đơn trình bày, bị đơn không có ý kiến gì.

Ngày 19/8/2024, Công ty đã làm việc với L để xin được trả toàn bộ nợ gốc cho ngân hàng và đề nghị ngân hàng miễn toàn bộ lãi trong hạn và lãi quá hạn vì hiện nay Công ty đang khó khăn, có nguy cơ phá sản. Tuy nhiên, ngày 27/8/2024, L đã có văn bản số 25189/2024/TB-LPBank.XLN thông báo về việc không chấp thuận phương án xử lý nợ. Vì vậy, tại buổi làm việc hôm nay, Công ty xây lắp TH vẫn mong L tạo điều kiện cho Công ty được thực hiện trả toàn bộ số tiền nợ gốc và miễn toàn bộ tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt. Trường hợp ngân hàng L không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Theo số liệu của bên M cung cấp, hiện nay, số cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) thuộc sở hữu của Công ty xây lắp TH là khoảng: 690.955 cổ phiếu, trong đó số cổ phiếu Công ty Xây lắp TH cầm cố cho ngân hàng L là 662.631 cổ phiếu. Tạm tính đến ngày 04/9/2024, cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty Xây lắp TH có giá: 24.400 đồng/cổ phiếu, như vậy số cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp TH có tổng giá trị là: 24.400 đồng/CP x 662.631 CP = 16.168.196.400 đồng.

***Tại phiên Tòa:** Bị đơn: Công ty xây lắp TH vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đối với việc nguyên đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là: 129.089.523 đồng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Công ty xây lắp TH xác nhận số tiền nợ gốc tính đến phiên Tòa ngày hôm nay như phía L trình bày là hoàn toàn đúng, còn tiền nợ lãi thì Công ty xây lắp TH không có ý kiến gì. Hiện nay Công ty xây lắp TH đang gặp khó khăn về kinh tế, có khả năng bị phá sản. Hội đồng quản trị của Công ty có 03 người thì 02 người đã nghỉ hiện chỉ có một mình ông H là chủ tịch Hội đồng quản trị, vì vậy Công ty xây lắp TH đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn toàn bộ lãi trong hạn và quá hạn và cho Công ty được trả số tiền nợ gốc và rút tài sản đảm bảo ra để Công ty còn sắp xếp trả các khoản tiền như: lương, thuế, bảo hiểm ...vvv. Vì chính L cũng phải có trách nhiệm trong việc quản lý tài sản đảm bảo là các quyền đòi nợ với các bên liên quan có nghĩa vụ thanh toán như Sở giao thông vận tải QN; Công ty Cổ phần Cấp thoát nước LS và Cục điều tra hình sự- Bộ quốc Phòng bởi nếu L giám sát và kết hợp với các các bên nợ tiền của Công ty TH để thu tiền đã không dẫn đến việc Công ty TH bị quá hạn các khoản nợ tại L.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần chứng khoán M do ông Nguyễn Khắc T được ủy quyền trình bày:

Hiện nay, số cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) thuộc sở hữu của Công ty Xây lắp TH là khoảng: 690.955 cổ phiếu, trong đó số cổ phiếu Công ty Xây lắp TH cầm cố cho ngân hàng L là 662.631 cổ phiếu. Tạm tính đến ngày 04/9/2024, cổ phiếu có giá: 24.400 đồng/cổ phiếu, như vậy số cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp TH có tổng giá trị là: 24.400 đồng/CP x 662.631 CP = 16.168.196.400 đồng.

M không có ý kiến gì đối với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên Tòa:** M xin vắng mặt tại phiên Tòa và đã cung cấp các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Tòa án nên xin vắng mặt tại phiên Tòa và sẽ chấp hành các phán quyết của Tòa án có liên quan đến vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng:**

*** Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên Tòa: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần chứng khoán M có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử là đúng luật định.

*** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:**

- Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc với bị đơn nhưng không đưa ra phương án giải quyết toàn bộ vụ án nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án.

- Hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng và các khế ước nhận nợ; Hợp đồng thế chấp tài sản; Đăng ký tài sản đảm bảo đã được các bên tự nguyện ký kết, về nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91, 92, 95 của Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các 292, 293, 298. 299; Điều 309; Điều 310; Điều 311; Điều 312; Điều 314; 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của L đòi khoản nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng. Buộc bị đơn phải trả cho L số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

- Về quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành phát mại tài sản đảm bảo là cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng. Cổ phiếu Q bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng

- Nguyên đơn không phải chịu án phí KDTMST

- Bị đơn phải chịu án phí KDTMST và có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

****Về tố tụng:***

- Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thì Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH thay đổi lần thứ 11 ngày 13/5/2021 thì Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH có địa chỉ trụ sở chính tại địa chỉ: Số 487 H, tổ 19, phường CN 1, quận BTL, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận CG chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân quận BLL, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa Ngân hàng L đối với: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20 tháng 3 năm 2024, Ngân hàng L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản đảm bảo là: Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Sở giao thông vận tải QN theo Hợp đồng thi công xây dựng số 206/2017/HĐ-TCXD ngày 15/12/2017; Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước LS theo Hợp đồng xây dựng ngày 22/10/2015 và Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Cục điều tra hình sự- Bộ Quốc Phòng theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 20/HĐKT ngày 25/12/2017. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn và không đưa Sở giao thông vận tải QN; Cục điều tra hình sự Bộ Quốc Phòng và Công ty Cổ phần cấp thoát nước LS vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do các cổ phiếu thế chấp cũng như các hoa lợi phát sinh từ các cổ phiếu của Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH đang thế chấp tại L theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014 giữa L và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH, hiện đang do Công ty Cổ phần CK M quản lý nên Tòa án

không đưa Ngân hàng TMCP QĐ vào tham gia tổ tụng và đưa Công ty Cổ phần CK M tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Tại phiên Tòa, nguyên đơn có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về yêu cầu phải thanh toán trả khoản tiền lãi phạt chậm trả là: 129.809.523 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự.

**** Về nội dung***

[1]. Ngày 14/6/2017, Ngân hàng L đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD11420170162 với Công ty Cổ phần phần đầu tư xây lắp TH (sau đây gọi tắt là Công ty xây lắp TH). Tổng số tiền cho vay theo hạn mức: 100.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn): 100.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn) đối với các công trình có nguồn vốn khác (không bao gồm các công trình có nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài theo điều kiện): tối đa 30.000.000.000 đồng. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng. Lãi suất cho vay: được các bên thỏa thuận cụ thể ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Mức lãi suất cho vay này được dùng để tính lãi tiền vay trả cho ngân hàng được quy định tại Hợp đồng và được tính trên cơ sở 01 năm là 360 ngày; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

***Tài sản đảm bảo:** Quyền Cầm cố cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng. Cổ phiếu Q bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng. Giá trị định giá tại thời điểm vay vốn: 2.972.000.000 đồng. Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014 giữa L và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH.

Do Công ty Cổ phần xây lắp TH vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (27/9/2024), Công ty xây lắp TH còn nợ L tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi và lãi phạt chậm trả lãi là: **16.634.178.082 đồng**. Trong đó: Số tiền nợ gốc là 8.129.555.832 đồng; nợ lãi trong hạn là: 189.730.838 đồng; lãi quá hạn 8.314.891.412 đồng;

[2]. Về phía bị đơn Công ty xây lắp TH xác nhận Công ty hiện còn nợ L

tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2024) bao gồm: Số tiền nợ gốc là 8.129.555.832 đồng; nợ lãi trong hạn là: 189.730.838 đồng; số tiền lãi quá hạn 8.314.891.412 đồng; riêng tiền nợ lãi phạt chậm trả lãi: nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên bị đơn không có ý kiến gì.

[3]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc:

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng hạn mức; và khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, dựa trên ý chí của các bên tham gia hợp đồng, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, Tòa án xác định Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD11420170162 ngày 14/6/2017; các phụ lục của Hợp đồng hạn mức và các khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng L với Công ty xây lắp TH là có thật và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Các bên đương sự đều xác nhận Công ty xây lắp TH hiện còn nợ Ngân hàng L tổng số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2024) là: 8.129.555.832 đồng.

Việc Công ty xây lắp TH vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa hai bên ký kết là vi phạm quy định tại điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, buộc Công ty xây lắp TH phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng L số tiền nợ gốc là: **8.129.555.832 đồng**.

[4]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn:

Tại Điều 4 của Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD11420170162 ngày 14/6/2017 có quy định về lãi suất:

“Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay: được các bên thỏa thuận cụ thể ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ. Mức lãi suất cho vay này được dùng để tính lãi tiền vay trả cho ngân hàng được quy định tại Hợp đồng và được tính trên cơ sở 01 năm là 360 ngày; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”

Thỏa thuận về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng hạn mức, phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ là do các bên tự nguyện thỏa thuận và không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó việc bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng là vi phạm các cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Nguyên đơn đã xuất trình cho Hội đồng xét xử bản kê chi tiết về khoản vay nợ và cách tính lãi theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức và giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng L và Công ty xây lắp TH, Hội đồng xét xử đã kiểm tra và thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó buộc Công ty xây lắp TH phải trả cho Ngân hàng L số tiền nợ lãi trong hạn là: **189.730.838 đồng** và tiền lãi quá hạn **8.314.891.412 đồng**;

[5]. Yêu cầu đòi khoản lãi phát sinh đến khi Công ty xây lắp TH trả hết nợ cho Ngân hàng L.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết giữa các bên kể từ ngày tiếp theo

của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi nợ quá hạn của số tiền gốc mà bị đơn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (150% so với lãi suất trong hạn) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[6]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng L

[6.1]. Ngân hàng L đề nghị Tòa án tuyên có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền Cầm cố cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng. Cổ phiếu Q bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng. Giá trị định giá tại thời điểm vay vốn: 2.972.000.000 đồng. Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014; phụ lục Hợp đồng số 01-54A/2014/BĐ-LPBTL ngày 30/6/2016 và phụ lục Hợp đồng số 02-54A/2014/BĐ-LPBTL ngày 05/9/2016 giữa L và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH.

[6.2]. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014 giữa L và Công ty xây lắp TH quy định về nghĩa vụ được bảo đảm: “ Bên cầm cố đồng ý cầm cố và bên nhận cầm cố đồng ý nhận cầm cố tài sản quy định tại điều 2 của Hợp đồng này để đảm bảo thực hiện cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bên cầm cố, bao gồm nhưng không giới hạn ở tiền vay, tiền lãi, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản cầm cố, các khoản chi phí khác phát sinh theo hợp đồng tín dụng số M092014/HĐHMTD LienvietPostBank TL ký ngày 17/7/2014 và tất cả các Hợp đồng cấp tín dụng ký giữ hai bên sau ngày 17/7/2014 khi có văn bản thỏa thuận khác”

-Ngày 30/6/2016, L và Công ty xây lắp TH ký phụ lục Hợp đồng số 01-54A/2014/BĐ-LPBTL với nội dung sửa đổi bổ sung khoản 1.1 Điều 1 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014. Nội dung sửa đổi có ghi: “ 1.1 Bên thế chấp tài sản nêu tại điều 2 của Hợp đồng này để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả gốc, tiền lãi, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản cầm cố, các khoản chi phí khác của bên thế chấp đối với L, cụ thể:

1.1.1. Hợp đồng tín dụng số M092014/HĐHMTD LienvietPostBank TL ký ngày 17/7/2014;

1.1.2. Các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng khác xác lập từ ngày 17/7/2014 đến ngày 17/7/2020 giữa bên thế chấp với bất kỳ đơn vị nào thuộc L”

-Ngày 05/9/2016, hai bên ký phụ lục Hợp đồng số 02-54A/2014/BĐ-LPBTL với nội dung sửa đổi bổ sung Điều 2 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014 về tài sản cầm cố từ 500.000 cổ phiếu Q thành còn

200.000 cổ phiếu Q; Giá trị hai bên thống nhất định giá tại thời điểm vay vốn: 2.972.000.000 đồng.

Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014; phụ lục Hợp đồng số 01-54A/2014/BĐ-LPRTL ngày 30/6/2016 và phụ lục Hợp đồng số 02-54A/2014/BĐ-LPRTL ngày 05/9/2016 giữa L và Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH được các bên ký kết trên có sở tự nguyện có lập thành văn bản và được đăng ký tại Công ty cổ phần chứng khoán M và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo Giấy đề nghị cầm cố chứng khoán và Bảng kê chứng khoán cầm cố cùng ngày 19/3/2015 là đúng quy định của pháp luật, nên có giá trị để hai bên thực hiện.

-Theo tài liệu do Công ty Cổ phần chứng khoán M thì hiện nay, số cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) thuộc sở hữu của Công ty Xây lắp TH là khoảng: 690.955 cổ phiếu, trong đó số cổ phiếu Công ty Xây lắp TH cầm cố cho ngân hàng L là 662.631 cổ phiếu bao gồm 200.000 cổ phiếu và 462.631 cổ tức được trả bằng cổ phiếu mỗi năm từ năm 2016 cho đến nay.

Theo quy định tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014 quy định:

“ Bên cầm cố có nghĩa vụ giao tài sản cầm cố cho bên nhận cầm cố bán để thu hồi nợ. Bên nhận cầm cố có quyền được khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố để thu hồi nợ trong thời gian chờ bán tài sản cầm cố”

Vì vậy trong trường hợp Công ty Xây lắp TH không trả nợ hoặc chỉ chi trả được một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức nói trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là 662.631 cổ phiếu Q và các hoa lợi, lợi tức từ các cổ phiếu trên trong thời gian chờ bán tài sản cầm cố để thu hồi nợ cho L.

[7]. Trường hợp phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán cho toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Công ty xây lắp TH thì Công ty xây lắp TH vẫn phải có trách nhiệm trả nợ tiếp cho L.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với luật định và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Ngân hàng L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 16.634.178.082 đồng = 112.000.000 đồng + 0,1% (12. 463.900.372 đồng) = 124.634.178 đồng

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt cso quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2018

Căn cứ Điều 3, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 292, 293, 298. 299; Điều 309; Điều 310; Điều 311; Điều 312; Điều 314; Điều 463; 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L đối với Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp th.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L đối với Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH về yêu cầu phải thanh toán trả khoản tiền lãi phạt chậm trả là: 129.809.523 đồng và về việc xử lý tài sản đảm bảo là: Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Sở giao thông vận tải QN theo Hợp đồng thi công xây dựng số 206/2017/HĐ-TCXD ngày 15/12/2017; Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước LS theo Hợp đồng xây dựng ngày 22/10/2015 và Quyền đòi nợ của Công ty TH với bên có nghĩa vụ thanh toán là Cục điều tra hình sự- Bộ Quốc Phòng theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 20/HĐKT ngày 25/12/2017.

3. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH phải thanh toán cho Ngân hàng L theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD11420170162 ngày 14/6/2017 và khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 8.129.555.832 đồng (Tám tỷ một trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi năm nghìn tám trăm ba mươi hai đồng);

- Nợ lãi trong hạn: 189.730.838 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn tám trăm ba mươi tám đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 8.314.891.412 đồng (Tám tỷ ba trăm mười bốn triệu tám trăm chín một nghìn bốn trăm mười hai đồng);

Tổng cộng: 16.634.178.082 đồng. (Mười sáu tỷ sáu trăm ba mươi tư triệu một trăm bảy tám nghìn không trăm tám hai đồng).

4. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

5. Khi bản án, quyết định của Tòa đã có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần Xây lắp TH không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức nói trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH là 662.631 cổ phiếu (Sáu trăm sáu hai nghìn sáu trăm ba mươi một cổ phiếu) của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là “Cổ phiếu Q”) và các hoa lợi, lợi tức từ các cổ phiếu trên trong thời gian chờ bán tài sản cầm cố, theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 54 A/2014/LPB-BĐ ngày 28/8/2014 và các phụ lục Hợp đồng số 01-54A/2014/BĐ-LPBTTL ngày 30/6/2016; phụ lục Hợp đồng số 02-54A/2014/BĐ-LPBTTL ngày 05/9/2016, được đăng ký tại Công ty cổ phần chứng khoán M và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo Giấy đề nghị cầm cố chứng khoán và Bảng kê chứng khoán cầm cố cùng ngày 19/3/2015, để thu hồi nợ cho L.

6. Trường hợp phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán cho toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Công ty xây lắp TH thì Công ty xây lắp TH vẫn phải có trách nhiệm trả nợ tiếp cho L.

7. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Ngân hàng L không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.409.516 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm linh chín nghìn năm trăm mười sáu đồng), theo biên lai số 0019057 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội

- Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp TH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **124.634.178** đồng (Một trăm hai tư triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

8. Trường hợp bản án quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THA DS quận Bắc Từ Liêm;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

